

MẪU NHÃN

Handwritten signature

Thẩm thuốc (tính cho 1 viên nang)

Đôi mắt viên nhỏ	30 mg
(tương đương M&S viên 50 mg)	30 mg
Bột kết dính hợp dược liệu	30 mg
(tương đương) Thuỷ tinh	20 mg
Hương phụ 13 mg, Mộc hương 8 mg	
Đào tằm 8 mg, Quế chi 3 mg	
Tá dược vừa đủ	1 viên

TÁC DỤNG: Thông kinh lạc, tư phong thấp, mạnh gân cốt.

CHỈ ĐỊNH: Điều trị các bệnh:

Phong tê thấp, gây đau nhức các khớp hoặc toàn thân.

Viêm đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.

Viêm đau dây thần kinh tọa, viêm đau dây thần kinh tam sọ và M 5 chi tay.

Đào dược **Chai 60 viên nang cứng**

Rx thuốc kê đơn **CMP-NHĐ**

FRENTINE

Ti Đâu Lương - Thích Xương

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG: Dùng đường uống. Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Ngày uống 4 viên chia 2 lần. Trẻ em 5-12 tuổi: Ngày uống 2 viên, chia 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

NSX/Mfg.Date: 18/07/2018 - 18/07/2019

S&L/Ch/Lot No: 18/07/2018 - 18/07/2019

HD/Exp.Date: 18/07/2018 - 18/07/2019

Đã xin bản tụy từ an. Đơn kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thảo dược **Hộp 1 chai 60 viên nang cứng**

Rx thuốc kê đơn **CMP-NHĐ**

FRENTINE

S&L: VD - 33306 - 14

Thẩm thuốc (tính cho 1 viên nang)

Đôi mắt viên nhỏ	30 mg
(tương đương M&S viên 50 mg)	30 mg
Bột kết dính hợp dược liệu	30 mg
(tương đương) Thuỷ tinh	20 mg
Hương phụ 13 mg, Mộc hương 8 mg	
Đào tằm 8 mg, Quế chi 3 mg	
Tá dược vừa đủ	1 viên

CHỈ ĐỊNH: Điều trị các bệnh:

Phong tê thấp, gây đau nhức các khớp hoặc toàn thân.

Viêm đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.

Viêm đau dây thần kinh tọa, viêm đau dây thần kinh tam sọ và M 5 chi tay.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG: Dùng đường uống. Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Ngày uống 4 viên, chia 2 lần. Trẻ em 5-12 tuổi: Ngày uống 2 viên, chia 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

T&L và bản tụy từ an.

Đơn kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Sherba **Box of 60 capsules**

Rx Prescription **CMP-NHĐ**

FRENTINE

Backache
Piercing pain in the born

Thẩm thuốc (tính cho 1 viên nang)

Đôi mắt viên nhỏ	30 mg
(tương đương M&S viên 50 mg)	30 mg
Bột kết dính hợp dược liệu	30 mg
(tương đương) Thuỷ tinh	20 mg
Hương phụ 13 mg, Mộc hương 8 mg	
Đào tằm 8 mg, Quế chi 3 mg	
Tá dược vừa đủ	1 viên

CHỈ ĐỊNH: Điều trị các bệnh:

Phong tê thấp, gây đau nhức các khớp hoặc toàn thân.

Viêm đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.

Viêm đau dây thần kinh tọa, viêm đau dây thần kinh tam sọ và M 5 chi tay.

LIỀU DÙNG, CÁCH DÙNG: Dùng đường uống. Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Ngày uống 4 viên, chia 2 lần. Trẻ em 5-12 tuổi: Ngày uống 2 viên, chia 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.

T&L và bản tụy từ an.

Đơn kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

FRENTINE

Compositions: Each capsule contain

Pulveres Strychni papaverata	30 mg
Equilivert Semen Strychni 50 mg	30 mg
Pharmocognosia mirtis	30 mg
Equilivert Bisumma Arctapholia	20 mg
Khoanua Cyper	13 mg
Radix Salsometrae laposa	8 mg
Rhizoma Racomphorae galangae	8 mg
Banulua Commenum	3 mg
Excipient q.s.	37 capsule

INDICATIONS:

- Used to treat rheumatism causing pain and aches of joints or the body.
- Indicated to be used for treating acute and chronic aches and pains of joints accompanied by red tumor and pain.
- Neuralgia and neuritis, sciatic nerve inflammation, paraplegia of limbs.

CONTRA-INDICATION/PRECAUTION, DOSAGE AND ADMINISTRATION: See the instruction inside.

STORAGE: In cool and dry place, temperature not more than 30°C.

Keep out of reach of children. Read carefully the instruction insert before use.

S&L: VD - 33306 - 14

18/07/2018 - 18/07/2019

S&L/Lot No:
NSX/Mfg.Date:
HD/Exp.Date:

MẪU NHÃN

Handwritten signature

INVEST

THẢO THUỐC

FRENTINE

Rx Thuốc kê đơn

INVEST

THẢO THUỐC

FRENTINE

Rx Thuốc kê đơn

Thành phần: Tinh chất 1 viên nang

Mật ong tiêu chuẩn	30 mg
(Tương đương 180 viên 30 mg)	
Bột kết dính hydroxypropylcellulose	30 mg
(Tương đương Thường trạch 30 mg)	
Hương liệu 13 mg, Mùi hương 8 mg	
Đá vôi 8 mg, Chất dính 3 mg	
Ti được viên 01	1 viên

TÁC DỤNG:
Thông kinh lạc, hỗ trợ phong thấp, mạnh gân cốt

Chỉ định: Điều trị các bệnh:
Phong thấp, gầy đau nhức, các khớp hoặc toàn thân.
Vấn đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.
Vấn đau dây thần kinh tọa, vấn đau dây thần kinh hàm sườn và tê bì chân tay

LƯU Ý: Cách dùng: Dùng đúng uống ngay khi và tư em bán 12 tuổi. Ngày uống 4 viên chia 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, tránh độ ẩm quá 30°C

TIÊU CHUẨN: TCS/45-14-01-23

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Herba

Rx Prescription

FRENTINE

Backache
Piercing pain in the burn

INVEST

Thành phần: Tinh chất 1 viên nang

Mật ong tiêu chuẩn	30 mg
(Tương đương 180 viên 30 mg)	
Bột kết dính hydroxypropylcellulose	30 mg
(Tương đương Thường trạch 30 mg)	
Hương liệu 13 mg, Mùi hương 8 mg	
Đá vôi 8 mg, Chất dính 3 mg	
Ti được viên 01	1 viên

Chỉ định: Điều trị các bệnh:
Phong thấp, gầy đau nhức, các khớp hoặc toàn thân.
Vấn đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.
Vấn đau dây thần kinh tọa, vấn đau dây thần kinh hàm sườn và tê bì chân tay

LƯU Ý: Cách dùng: Dùng đúng uống ngay khi và tư em bán 12 tuổi. Ngày uống 4 viên chia 2 lần.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH, TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem tờ hướng dẫn sử dụng

BẢO QUẢN: Nơi khô mát, tránh độ ẩm quá 30°C

TIÊU CHUẨN: TCS/45-14-01-23

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

FRENTINE

Composition: Each capsule contain

Purified Strychni praeparata	30 mg
Equivalent Strychni 30 mg	
Pharmaco-glycine nitrate	30 mg
Hydroxypropylcellulose	30 mg
Microsoma Caplet	13 mg
Hydroxypropylcellulose	8 mg
Microsoma Kamphorae galangae	8 mg
Ramulus Cassiae	3 mg
Excipient q.s.	37 capsule

INDICATION:
- Used to treat rheumatism causing pain and aches of joints in the body
- Indicated for use used for treating acute and chronic aches and pains accompanied by red swells and pains.
- Neurogia and neuritis, sciatic nerve inflammation, papainitis of limbs

CONTRA-INDICATION/PRECAUTION, DOSAGE AND ADMINISTRATION:
See the instruction inside

STORAGE:
In cool and dry place, temperature not more than 30°C

Keep out of reach of children
Read carefully the instruction insert before use

S616 SX/Lot No:


NSX/My Date:

HO/Exp Date:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Thảo dược Rx **FRENTINE** GMP-WHO

Trị Đau Lưng - Nhức Xương



1. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc
Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.
Để xa tầm tay trẻ em.
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

2. Thành phần công thức thuốc (tính cho 1 viên)

Thành phần dược chất

Bột Mã tiền chế	50 mg
Tương đương: Mã tiền (<i>Semen Strychni</i>)	50 mg
Bột kết hỗn hợp dược liệu	50 mg
Tương đương:	
Thương truật (<i>Rhizoma Atractylodis</i>)	20 mg
Hương phụ (<i>Rhizoma Cyperi</i>)	13 mg
Mộc hương (<i>Radix Saussureae lappae</i>)	8 mg
Địa liên (<i>Rhizoma Kaempferiae galangae</i>)	6 mg
Quế chi (<i>Ramulus Cinnamomi</i>)	3 mg

Thành phần tá dược:
Tinh bột ngô, Methylparaben, Talc, Propylparaben, Magnesi stearat, Povidon K30, Ethanol 96%, Nước tinh khiết...Viên đủ 1 viên.

3. Dạng bào chế
Viên nang cứng số 1, màu xanh lá cây đậm nhạt, bên trong chứa bột thuốc màu nâu nhạt, mùi thơm dược liệu, vị đắng.

4. Chỉ định
Điều trị các bệnh:
- Phong tê thấp, gây đau nhức các khớp hoặc toàn thân.
- Viêm đau khớp cấp và mãn tính kèm theo sưng nóng đỏ đau.
- Viêm đau dây thần kinh tọa, viêm đau dây thần kinh liên sườn và tê bì chân tay.

5. Cách dùng, liều dùng
Cách dùng: Dùng theo đường uống.
Liều dùng:
Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Ngày uống 4 viên, chia 2 lần.
Trẻ em từ 5 - 12 tuổi: Ngày uống 2 viên, chia 2 lần.

6. Chống chỉ định
- Mẫn cảm với thành phần của thuốc.
- Phụ nữ có thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi.
- Người âm hư huyết nhiệt.

7. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc
- Chưa có tài liệu báo cáo.

8. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú
Thời kỳ mang thai: Không dùng cho phụ nữ có thai.
Thời kỳ cho con bú: Không dùng cho phụ nữ đang cho con bú.

9. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc
- Không ảnh hưởng.

10. Tương tác, tương kỵ của thuốc
Tương tác thuốc: Không nên ăn thịt gà, xôi nếp và các chất tanh.
Tương kỵ thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

11. Tác dụng không mong muốn của thuốc
Đôi khi gặp trường hợp nôn nao, khó chịu, các triệu chứng trên sẽ hết khi ngừng thuốc.

12. Quá liều và cách xử trí
Quá liều: Ngập, nước dãi chảy nhiều, nôn mửa, sợ ánh sáng, mạch nhanh và yếu, tử chi cứng đờ, co giật nhẹ rồi đột nhiên có triệu chứng như uốn ván nặng với hiện tượng rút gân hàm, lồi mắt, đồng tử mở rộng, bấp bệ tứ chi và thân bị co, sự co bấp bệ ngực gây khó thở và ngạt.
Xử trí:
- Khi dùng quá liều, đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất.
- Việc điều trị ngộ độc mà tiền chủ yếu là phòng tránh co giật và trợ giúp hô hấp. Nhiều thuốc được đề xuất để chống co giật như hit Chloroform, Natri bromid cho vào trực tràng, uống Cloral hydrat, nhưng tốt nhất là tiêm tĩnh mạch một Barbiturat. Đồng thời thực hiện hô hấp nội khí quản, rửa dạ dày bằng thuốc tím, cồn iod pha loãng với nước.

13. Đặc tính dược lực học
Tác dụng: Thông kinh lạc, trừ phong thấp, mạnh gân cốt.

14. Quy cách đóng gói
- Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 chai x 30 viên, 60 viên.

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc
Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C.
Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
Tiêu chuẩn thành phẩm: TCCS/45-14-031-Z3.

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc

 **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**
FORIPHARM Trụ sở: 16 Lê Đại Hành - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng
Nhà máy: 56 28 - Đường 351 - Nam Sơn - An Dương - Hải Phòng